

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA HƯNG  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 21 - 3 - 2024.

V/v ly hôn giữa chị U và anh G

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Chung.

*Các hội thẩm nhân dân:*

- Bà Dương Thị Vui.
- Ông Vũ Mạnh Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị U, vắng mặt anh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 30/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai chị Nguyễn Thị U tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Phạm Văn G vào tháng 6/2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến tháng 6/2021 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị

xác định tình cảm giữa chị và anh G không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn G.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có một con chung là cháu Phạm Thái D, sinh ngày 21/8/2018. Hiện cháu D đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi cháu D và không yêu cầu anh G không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Phạm Văn G vắng mặt. Lời khai của anh Phạm Văn G tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị U vào tháng 6/2018 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 6/2023 thì vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị U xin ly hôn anh thì anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị Nguyễn Thị U.

Về con chung: Giữa anh và chị U có một con chung là cháu Phạm Thái D, sinh ngày 21/8/2018. Hiện cháu D đang do chị U chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn anh để chị U trực tiếp nuôi cháu D và anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng anh mong muốn vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết. Nếu vợ chồng không tự thỏa thuận giải quyết được anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị U và chị Phạm Văn G; Về con chung: Giao cháu Phạm Thái D, sinh ngày 21/8/2018 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị U phải nộp theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị U và anh Phạm Văn G đều cư trú tại huyện N. Nay chị Nguyễn Thị U xin ly hôn anh Phạm Văn G thì Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn G vắng mặt nhưng anh G nhưng anh G đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Phạm Văn G vào tháng 4 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm không hiểu nhau. Đến tháng 6/2023 thì vợ chồng chị U anh G sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh G cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị xử ly hôn giữa chị U và anh G.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh G đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị U xin ly hôn anh G và anh G cũng nhất trí ly hôn. Thấy việc ly hôn của chị U và anh G là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Phạm Văn G đều thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Thái D, sinh ngày 21/8/2018. Hiện cháu D đang do chị U chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị U anh G đều thống nhất thỏa thuận giao cháu D cho chị U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh G không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U. Thấy việc thỏa thuận của chị U và anh G là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía anh Phạm Văn G xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng anh anh mong muốn vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết. Nếu vợ chồng không tự thỏa thuận giải quyết được anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hướng dẫn giải thích pháp luật cho anh G về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nhưng anh G không có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và cũng không nộp những tài liệu chứng cứ kèm

theo, vì vậy không đặt ra giải quyết tài sản chung trong vụ án này. Sau này anh G có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị U phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp. Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị U và anh Phạm Văn G.

2 - Về con chung: Giao cháu Phạm Thái D, sinh ngày 21/8/2018 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn G không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị U phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp theo biên lai số 0001262 ngày 21/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Nơi nhận:**

- Toà án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã N.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**Phạm Văn Chung**

